

DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK
(Tính đến ngày 26/6/2019)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quyết định bổ nhiệm GĐV tư pháp	Lĩnh vực giám định	Tình trạng		Nơi công tác
					Chuyên trách	Kiểm nhiệm	
I	GIÁM ĐỊNH VIÊN PHÁP Y THUỘC SỞ Y TẾ						
A	TRUNG TÂM PHÁP Y TỈNH						
1	Bùi Đình Trung	03/02/1974	Số 920/QĐ-UBND ngày 23/4/2019	Pháp y	x		Trung tâm Pháp y tỉnh
2	Trương Lê Thanh	25/7/1986	Số 920/QĐ-UBND ngày 23/4/2019	Pháp y	x		Trung tâm Pháp y tỉnh
B	ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC						
1	Đỗ Xuân Lộc	1965	Số: 1868/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	Nhi tim mạch		x	Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ
2	Trần Ngọc Minh	1962	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Nhi khoa		x	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Bông
3	Trần Đức Dũng	1961	Số: 1868/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	Ngoại sản		x	Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ
4	Nguyễn Thám	1960	Số: 2069/QĐ-UBND ngày 12/11/2004	Ngoại sản		x	Bệnh viện đa khoa huyện Ea Kar
5	Nguyễn Hữu Thành	1963	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại sản		x	Bệnh viện đa khoa huyện Cư Kuin

6	Bùi Khắc Hùng	1966	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại sản		x	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Păk
7	Y Kiêm Tor	1970	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại sản		x	Bệnh viện đa khoa huyện Ea Súp
8	Nguyễn Đức Lộc	1973	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại sản		x	Bệnh viện đa khoa huyện Buôn Đôn
9	Nguyễn Như Khánh	1960	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại sản		x	Bệnh viện đa khoa huyện Lắk
10	Nguyễn Văn Đệ	1967	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Sản khoa		x	Bệnh viện đa khoa huyện Ea H'leo
11	Bùi Nam Ổn	1964	Số: 2069/QĐ-UBND ngày 12/11/2004	Sản khoa		x	Bệnh viện đa khoa huyện Cư M'gar
12	Đoàn Sỹ Hoàng	1962	Số: 591/QĐ-UBND ngày 30/6/2004	Sản khoa		x	Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk
13	Nguyễn Đại Phong	1962	Số: 2069/QĐ-UBND ngày 12/11/2004	Sản khoa		x	Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk
14	Trần Thuận	1966	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Y tế công cộng		x	Trung tâm Y tế huyện Krông Buk
15	Y Bhuất Niê	1960	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại tổng quát		x	Bệnh viện đa khoa huyện Ea Kar
16	Trịnh Đức Lam	1967	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại khoa		x	Bệnh viện đa khoa huyện Cư Kuin
17	Lại Quang Miễn	1962	Số: 1868/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	Ngoại khoa		x	Bệnh viện đa khoa Tp. Buôn Ma Thuột
18	Châu Đương	1966	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại khoa		x	Bệnh viện đa khoa huyện Cư M'gar
19	Ngô Quang Vinh	1965	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại khoa		x	Bệnh viện đa khoa huyện M'Đrăk
20	Phạm Xuân Thủy	1968	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại khoa		x	Bệnh viện đa khoa huyện M'Đrăk
21	Hồ Đức Châu	1964	Số: 2069/QĐ-UBND ngày 12/11/2004	Ngoại khoa		x	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Năng

22	Nguyễn Phú Đức	1971	Số: 2069/QĐ-UBND ngày 12/11/2004	Ngoại khoa		x	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Bông
23	Bùi Công Sự	1964	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại khoa		x	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Ana
24	Nguyễn Văn Mạnh	1966	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Răng hàm mặt		x	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Păk
25	Nguyễn Quang Thừa	1963	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Răng Hàm Mặt		x	Bệnh viện đa khoa huyện M'Đrăk
26	Nguyễn Văn Thông	1962	Số: 2069/QĐ-UBND ngày 12/11/2004	Nội khoa		x	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Năng
27	Y Thoan Ê Ban	1975	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Nội khoa		x	Bệnh viện đa khoa huyện Ea H'leo
28	Trần Đình Trí	1959	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại niệu		x	Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk
C	ĐÃ NGHỈ HƯU						
1	Từ Công Hiến	1959	Số: 1028/QĐ-UBND ngày 25/12/1989	Giải phẫu bệnh			Nghỉ hưu
2	Trương Xuân Bé	1953	Ngày 17/02/2009	Sản khoa			Nghỉ hưu tại Số 73 Lê Hồng Phong, phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
3	Phạm Ngọc Soạn	1955	Ngày 17/02/2009	Ngoại khoa			Nghỉ hưu tại Tổ dân phố 1, Thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk
4	Hồ Thị Minh Thiện	1962	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Y học cổ truyền			Nghỉ hưu tại Số 51 Trần Hưng Đạo, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

5	Hàn Bửu Chương	1957	Số: 2069/QĐ-UBND ngày 12/11/2004	Ngoại tổng quát			Nghỉ hưu tại Số nhà 64B Nguyễn Tri Phương, phường Thành Công, tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
6	Nguyễn Văn Liệu	1952	Ngày 12/11/2004	Nội khoa			Nghỉ hưu tại Thị trấn Buôn Trấp, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk
7	Nguyễn Thanh Tịnh	1954	Ngày 27/7/2010	Tâm thần			Nghỉ hưu tại Số 42 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
8	H' Briu Niê	1962	Số 472/QĐ-UBND ngày 14/02/2015	Tâm thần			Nghỉ hưu tại Số 102 đường 19/5, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
II	GIÁM ĐỊNH VIÊN KỸ THUẬT HÌNH SỰ THUỘC CÔNG AN TỈNH						
1	Nguyễn Thanh Liêm	19/12/1961	Ngày 31/10/1992	Kỹ thuật hình sự (đường vân)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự
2	Võ Chí Long	07/10/1968	Số: 579/QĐ-UBND ngày 15/3/2012	Kỹ thuật hình sự (đường vân)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự
3	Phạm Anh Đức	20/4/1989	Số: 3364/QĐ-UBND ngày 06/12/2017	Kỹ thuật hình sự (đường vân)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự
4	Ngô Đức Thiện	15/11/1978	Số: 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Kỹ thuật hình sự (sinh học)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự
5	Đặng Thị Thái Mỹ	11/02/1990	Số: 3364/QĐ-UBND ngày 06/12/2017	Kỹ thuật hình sự (sinh học)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự
6	Cao Tiến Trung	12/10/1980	Số: 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Kỹ thuật hình sự (tài liệu)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự
7	Nguyễn Duy Hùng	03/9/1984	Số: 3544/QĐ-UBND ngày 29/12/2015	Kỹ thuật hình sự (tài liệu)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự
8	Hà Thị Hằng	30/4/1983	Số: 113/QĐ-UBND ngày 16/01/2017	Kỹ thuật hình sự (tài liệu)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự

9	Nguyễn Đình Huân	30/11/1987	Số: 113/QĐ-UBND ngày 16/01/2017	Kỹ thuật hình sự (tài liệu)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự
10	Nguyễn Quốc Tuấn	21/4/1986	Số: 3364/QĐ-UBND ngày 06/12/2017	Kỹ thuật hình sự (tài liệu)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự
11	Nguyễn Thị Thúy Phương	27/7/1980	Số: 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Kỹ thuật hình sự (Hóa hình sự)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự
12	Lê Khắc Nguyên	26/8/1987	Số: 113/QĐ-UBND ngày 16/01/2017	Kỹ thuật hình sự (hoá học)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự
13	Nguyễn Bá Hoàn	12/8/1980	Số: 579/QĐ-UBND ngày 15/3/2012	Kỹ thuật hình sự (Hóa pháp lý)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự
14	Đoàn Minh Cường	27/10/1984	Số: 579/QĐ-UBND ngày 15/3/2012	Kỹ thuật hình sự (dấu vết, đường vân)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự
15	Nguyễn văn Chiến	05/01/1960	Số: 3544/QĐ-UBND ngày 29/12/2015	Kỹ thuật hình sự (dấu vết cơ học)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự
16	Trần Hoàng Việt	11/3/1989	Số: 3364/QĐ-UBND ngày 06/12/2017	Kỹ thuật hình sự (kỹ thuật)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự
17	Nguyễn Đức Thái	01/8/1987	Số: 1454/QĐ-UBND ngày 28/6/2018	Kỹ thuật hình sự	x		Phòng Kỹ thuật hình sự
18	Võ Ngọc Thắng	26/3/1987	Số: 1454/QĐ-UBND ngày 28/6/2018	Kỹ thuật hình sự	x		Phòng Kỹ thuật hình sự
19	Đặng Sơn Đáng	14/6/1961	Số: 2594/QĐ-UBND ngày 16/10/2000	Pháp y	x		Phòng Kỹ thuật hình sự
20	Nguyễn Quang Thạnh	12/10/1987	Số: 250/QĐ-UBND ngày 07/02/2017	Pháp y	x		Phòng Kỹ thuật hình sự

III	GIÁM ĐỊNH VIÊN CÁC SỞ, NGÀNH KHÁC						
A	SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO, DU LỊCH						
A.1	ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC						
1	Bùi Văn Khối	20/01/1960	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Văn hóa, thể thao và Du lịch		x	Trung tâm Văn hoá tỉnh
2	Y-Kô Niê	17/12/1962	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Văn hóa, thể thao và Du lịch		x	Phòng Quản lý Văn hoá
3	Trần Hùng	09/12/1963	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Văn hóa, thể thao và Du lịch		x	Ban Quản lý di tích
4	Phạm Mạnh Cương	07/8/1978	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Văn hóa, thể thao và Du lịch		x	Đoàn Ca múa nhạc Dân tộc
A.2	ĐÃ NGHỈ HƯU						
1	Trịnh Văn Thùy	09/11/1956	Ngày 08/4/2010	Văn hóa, thể thao và Du lịch			Nghỉ hưu tại Số nhà 59, đường Đình Tiên Hoàng, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
B	SỞ TÀI CHÍNH						
B.1	ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC						
1	Nguyễn Tấn Thành	02/10/1966	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Tài chính		x	Phó Giám đốc Sở Tài chính
2	Huỳnh Thị Hà	16/6/1981	Số 818/QĐ-UBND ngày 11/4/2019	Tài chính		x	Phòng Tài chính Doanh nghiệp
3	Nguyễn Văn Mạnh	10/9/1983	Số 818/QĐ-UBND ngày 11/4/2019	Tài chính		x	Phòng Tài chính Đầu tư

4	Huỳnh Phú Tài	10/5/1969	Số 818/QĐ-UBND ngày 11/4/2019	Tài chính		x	Phòng Quản lý Giá – Công sản
5	Phạm Thông	30/11/1962	Số 818/QĐ-UBND ngày 11/4/2019	Tài chính		x	Phòng Thanh tra
6	Lê Thanh Hùng	1965	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Tài chính		x	Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Đắk Lắk
C	SỞ XÂY DỰNG						
C.1	ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC						
1	Nguyễn Minh Đạt	1974	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Xây dựng		x	Phòng Quy hoạch – Kiến trúc
2	Phạm Văn Lập	1975	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Xây dựng		x	Phó Giám đốc Sở Xây dựng
D	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN						
D.1	ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC						
1	Nguyễn Văn Thảo	19/01/1980	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Thủy sản		x	Chi cục Thủy sản
2	Nguyễn Quốc Hùng	13/3/1966	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Thủy lợi		x	Chi cục Thủy lợi
3	Y Định K' Buôr	16/10/1963	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Lâm nghiệp		x	Chi cục Kiểm lâm
4	H'Blun Niê	04/4/1974	Ngày 27/7/2010	Trồng trọt		x	Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật
5	Nguyễn Thanh Dũng	17/6/1978	Ngày 27/7/2010	Kiểm lâm		x	Chi cục Kiểm lâm
6	Quách Đình Trúc	14/5/1976	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
7	Trần Quốc Hoan	17/02/1964	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm

8	Đỗ Văn Thoa	24/02/1964	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
9	Nguyễn Bình Lâm	07/3/1967	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
10	Nguyễn Hải Quế	01/7/1972	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
11	Nguyễn Việt Cường	01/01/1979	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
12	Trần Văn Tùng	12/02/1984	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
13	Lê Hữu Sơn	05/11/1977	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
14	Phạm Duy Mẫn	25/5/1978	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
15	Quách Trung Hiếu	30/01/1980	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
16	Lê Thanh Khánh	11/5/1978	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
17	Y Knáp Byă	20/8/1965	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
18	Hồ Đức Dũng	11/7/1960	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
19	Ninh Văn Vịnh	14/9/1970	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
20	Đặng Văn Tính	19/4/1975	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
21	Bùi Tiến Hoàng	02/10/1968	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
22	Phạm Ngọc Quang	15/8/1983	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm

23	Mai Ngọc Sơn	04/8/1973	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
24	Chung Quý Bình	16/7/1976	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
25	Nguyễn Thái Hưng	20/01/1979	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
26	Huỳnh Văn Bin	16/3/1981	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
27	Hoàng Văn Danh	05/01/1981	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
28	Ngô Văn Tùng	14/6/1979	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
29	Lê Trọng Nghĩa	30/9/1979	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
30	Lê Hưng	03/7/1977	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
31	Nguyễn Thanh Tuấn	16/02/1981	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
32	Nguyễn Quang Trung	23/01/1980	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
33	Bùi Xuân Long	22/9/1984	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
34	Vũ Phú Quang	16/02/1983	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
35	Nguyễn Hải Đường	02/12/1978	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
36	Nguyễn Văn Hiển	05/05/1979	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
37	Trương Văn Ty	24/8/1986	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm

38	Hồ Văn Lành	11/11/1982	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm
D.2	ĐÃ NGHỈ HƯU						
1	Phan Đình	01/01/1961	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Kiểm lâm			Nghỉ hưu tại Số 02 Nguyễn Sơn, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
2	Nguyễn Văn Hương	10/5/1965	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản			Nghỉ hưu tại Đội 1, thôn Tiến Phú, xã Quảng Tiến, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk
E	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG						
E.1	ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC						
1	Trần Ngọc Bổng	30/01/1965	Ngày 27/7/2010	Báo chí		x	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản
2	Nguyễn Hoàng Dương	09/4/1967	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Báo chí		x	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản
3	Huỳnh Sự	10/10/1983	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Báo chí		x	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản
4	Phạm Thị Minh Huệ	23/4/1987	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Báo chí		x	Trung tâm quản lý Cổng thông tin điện tử tỉnh
5	Vũ Ngọc Anh Quyên	01/01/1981	Ngày 27/7/2010	Xuất bản		x	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản
6	Nguyễn Công Bảy	11/02/1963	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Luật		x	Phòng Thanh Tra
7	Trần Dũng	08/01/1975	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Luật		x	Phòng Thanh Tra
8	Võ Xuân Quang	01/11/1977	Ngày 27/7/2010	Bưu chính viễn thông		x	Phòng Bưu chính Viễn Thông
9	Diệp Quốc Phú	25/12/1977	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Điện tử - Viễn Thông		x	Phòng Bưu chính Viễn Thông

10	Nguyễn Ngọc Đích	02/9/1975	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Kinh tế		x	Văn phòng Sở
11	Phạm Đức Nghị	08/4/1971	Số 661/QĐ-UBND ngày 26/3/2019	Kinh tế		x	Phòng Thông tin và Truyền thông
12	Ngô Xuân Hoà	08/11/1984	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin		x	Phòng Bưu chính Viễn Thông
13	Nguyễn Sơn Thành	24/01/1979	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Công nghệ thông tin		x	Phòng Kế hoạch – Tài chính
14	Hà Văn Dũng	23/02/1971	Ngày 27/7/2010	Công nghệ thông tin		x	Phòng Công nghệ thông tin
15	Phạm Thị Linh Nhâm	18/8/1982	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin		x	Phòng Công nghệ thông tin
16	Bùi Minh Long	03/4/1982	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin		x	Phòng Công nghệ thông tin
17	Phạm Công Hiến	01/4/1982	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Công nghệ thông tin		x	Phòng Công nghệ thông tin
18	Trần Xuân Tiệp	26/12/1980	Số 661/QĐ-UBND ngày 26/3/2019	Công nghệ thông tin		x	Phòng Công nghệ thông tin
19	Nguyễn Đình Chiêu	18/8/1981	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin		x	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông
20	Võ Nguyễn Hoàng Nam	08/10/1975	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin		x	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông
21	Đỗ Việt Hoà	24/9/1983	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin		x	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông
22	Phùng Thị Thơm	03/11/1986	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin		x	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông
23	Trần Duy Tân	16/5/1978	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin		x	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông
24	Đinh Hồng Lâm	26/02/1983	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin		x	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông
25	Châu Hoà Khánh Tâm	01/01/1985	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin		x	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông

F	SỞ CÔNG THƯƠNG						
F.1	ĐƠN VỊ TRỰC THỘC						
1	Lê Trần Tự	1966	Ngày 11/3/2011	Điện		x	Phòng Quản lý năng lượng
2	Võ Đình Đoan	1963	Ngày 11/3/2011	An toàn công nghiệp		x	Văn phòng Sở
3	Trần Trọng Lưu	1974	Ngày 11/3/2011	Thương mại		x	Phòng Quản lý thương mại
G	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG						
G.1	ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC						
1	Cao Quang Diễn	1967	Ngày 11/3/2011	Quản lý Đất đai		x	Phòng Quản lý đất đai
2	Đào Thị Xuân Hoa	1976	Ngày 11/3/2011	Quản lý bảo vệ môi trường		x	Chi cục Bảo vệ môi trường
G.2	ĐÃ NGHỈ HƯU						
1	Lê Huy	09/4/1958	Ngày 11/3/2011	Quản lý Đất đai			Nghỉ hưu tại Số nhà 92 Nguyễn Viết Xuân, phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tổng số Giám định viên tư pháp trên địa bàn tỉnh: 142 người, trong đó có:

- 22 Giám định viên chuyên trách:

+ 02 Giám định viên pháp y thuộc Trung tâm y tế tỉnh

+ 18 Giám định viên Kỹ thuật hình sự và 02 Giám định viên pháp y thuộc Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh

- 108 Giám định viên kiêm nhiệm:

- + 28 Giám định viên pháp y;
 - + 04 Giám định viên lĩnh vực văn hoá, thể thao và du lịch;
 - + 06 Giám định viên lĩnh vực tài chính;
 - + 02 Giám định viên lĩnh vực xây dựng;
 - + 38 Giám định viên lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;
 - + 25 Giám định viên lĩnh vực thông tin và truyền thông;
 - + 03 Giám định viên lĩnh vực Công thương;
 - + 02 Giám định viên lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
- 12 Giám định viên đã nghỉ hưu:
- + 08 Giám định viên lĩnh vực pháp y;
 - + 01 Giám định viên lĩnh vực văn hoá, thể thao và du lịch;
 - + 02 Giám định viên lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;
 - + 01 Giám định viên lĩnh vực tài nguyên và môi trường.